



QUA THÀNH BẢN PHỦ TRỞ LẠI VẤN ĐỀ THỰC PHÁN – AN DƯƠNG VƯƠNG TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

Đinh Ngọc Viện *

Vấn đề nguồn gốc Thực Phán – An Dương Vương và sự ra đời của nước Âu Lạc là một trong những vấn đề cốt lõi trong lịch sử dựng nước và giữ nước của Việt Nam. Vì vậy, nó đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà khoa học cả trong và ngoài nước từ hàng trăm năm nay.

Trong quá trình nghiên cứu, các nhà học giả đều ghi nhận: Nước Âu Lạc kế tiếp nước Văn Lang và An Dương Vương kế ngôi vua Hùng là những sự kiện, nhân vật lịch sử có thật. Song cho đến nay, xung quanh vấn đề nguồn gốc Thực Phán – An Dương Vương và sự ra đời của nhà nước Âu Lạc vẫn có nhiều ý kiến khác nhau. Những tài liệu cổ xưa nhất ở Trung Quốc như *Giao Châu ngoại vực ký*, *Quảng Châu ký* đều ghi An Dương Vương là “Thực Vương Tử” (con vua Thực). Sách *Hậu Hán thư* khi chép về quận Giao Chỉ cũng chú thích: “Đây là nước cũ của An Dương Vương...”. Một số sách cổ khác ở Trung Quốc cũng ghi rằng An Dương Vương là con vua Thực, nhưng không cho biết xuất xứ cụ thể của vua Thực và vua Thực là ai, vị trí của nước Thực ở đâu?...

Một số bộ sử sách cổ xưa của Việt Nam như *Việt sử lược* (thế kỷ XIV) cũng có một câu về nguồn gốc của An Dương Vương là: “Cuối đời Chu, Hùng Vương bị con vua Thực là Phán đánh đuổi mà lên thay. Phán đắp thành ở Việt Thường (Cổ Loa – Đông Anh) xưng hiệu là An Dương Vương, không thông hiếu với nhà Chu¹. Đến thế kỷ XV, khi biên soạn *Đại Việt sử ký toàn thư* – Ngô Sĩ Liên dựa vào sách *Lĩnh Nam chí* chép về An Dương Vương rõ hơn và tách thành một kỷ gọi là “Kỷ nhà Thực”, ông viết rằng: “An Dương Vương họ Thực, tên húy là Phán, người Ba Thục, ở ngôi 50 năm, đóng đô ở Phong Khê (nay là thành Cổ Loa).

* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Cao Bằng.

Giáp Thìn, năm thứ nhất (257 tr.CN), vua đã kiêm tính nước Văn Lang, đổi quốc hiệu làm Âu Lạc"².

Nhà sử học Ngô Thì Sĩ – cuối thế kỷ XVIII khi chép về An Dương Vương – cũng nhắc lại giống như *Đại Việt sử ký toàn thư*, nhưng đã bác bỏ giả thuyết An Dương Vương "họ Thục". "An Dương Vương huý Phán, người Ba Thục. Không đúng"³.

Vì thời kỳ đó các sử gia phong kiến Việt Nam cho rằng Thục Phán – An Dương Vương là con vua Thục, người gốc Ba Thục (Tứ Xuyên – Trung Quốc) lập nước Âu Lạc vào năm 257 tr.CN. Đến năm 1821, Phan Huy Chú, biên soạn bộ *Lịch triều hiến chương loại chí* dâng lên vua Minh Mệnh, cũng ghi: "An Dương Vương tên là Phán, người Ba Thục"⁴.

Đến thời vua Tự Đức (1848 – 1883), bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, đã nêu nghi vấn: "Nước Thục từ năm thứ 5 đời Thận Tĩnh Vương nhà Chu (316 năm tr.CN), đã bị nhà Tần diệt rồi, làm gì còn vua nữa? Huống chi từ Thục đến Văn Lang, còn có đất Kiến Vi (nay thuộc Vân Nam), đất Dạ Lang, đất Cùng, đất Tác, và đất Nhiễm Mang (những đất này xưa kia là đất rợ mọi ở về phía tây và nam, nay thuộc Vân Nam) cách hàng hai ba ngàn dặm, có lẽ nào Thục vượt qua được các nước ấy mà sang đánh lấy nước Văn Lang"⁵. Trong *Việt Nam sử lược*, Trần Trọng Kim, khi đề cập đến nguồn gốc của nhà Thục cũng khẳng định: "Nhà Thục chép trong sử nước ta không phải là nhà Thục bên Tàu" (nghĩa là Ba Thục ở Tứ Xuyên). Ngô Tất Tố cũng khẳng định rằng: "Nước Nam không có ông An Dương Vương nhà Thục"⁶.

Các sử gia từ thời phong kiến Việt Nam đã nghi ngờ cả về thời gian và không gian qua đó có thể thấy ngay được là nước Thục (Ba Thục) đã bị diệt vào năm 316 tr.CN. Vua Thục cuối cùng là Khai Minh đã bị giết ở Vũ Dương và Thái tử con vua Thục cũng tự chết ở Bạch Lộc Sơn. Vì vậy không thể có "con vua Thục" vượt hàng ngàn dặm núi rừng, qua lãnh thổ của nhiều nước để mà tiến đánh và chiếm Văn Lang năm 257 tr.CN được. Sự khác biệt đến mâu thuẫn đó càng làm rõ thêm những căn cứ đang nghi ngờ, cho nên có thể phủ định giả thuyết nguồn gốc Ba Thục của Thục Phán – An Dương Vương.

Việc nghiên cứu về Thục Phán – An Dương Vương càng ngày càng được nhiều người quan tâm, nhất là sau khi hoà bình lập lại ở miền Bắc. Vì đây là giai đoạn đầu tiên của thời kỳ dựng nước, cho nên đã thu được một số kết quả mới, phát hiện thêm về tư liệu, từ đó một số giả thiết mới được đặt ra.

Năm 1963, khi các nhà nghiên cứu dân tộc học phát hiện truyền thuyết "Cầu chúa cheng Vua" (Chín chúa tranh vua) là câu truyện cổ rất phổ biến trong vùng đồng bào Tày ở Cao Bằng. Nội dung câu chuyện là: Khoảng cuối thời Hùng Vương, ở phía Nam Trung Quốc có một nước tên là Nam Cương, bao gồm miền Tây tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) cả vùng Cao Bằng ngày nay, Nam Cương có

10 xứ mường, trong đó một xứ mường trung tâm là nơi vua ở, đó là kinh đô Nam Bình (nay là Cao Bình, Hưng Đạo, Hoà An, Cao Bằng) còn 9 xứ mường xung quanh do 9 chúa mường cai quản. Thực Phán tuy còn nhỏ tuổi nhưng tỏ ra là người thông minh tài cán. Phán liền thách 9 chúa cùng nhau đấu võ, ai thắng sẽ được nhường ngôi vua. Kết quả đấu võ là bất phân thắng bại, nên không ai xứng đáng được nhường ngôi vua. Thực Phán lại bày ra cuộc đua tài, ai giỏi nghề gì thì làm nghề đó, hẹn ba ngày ba đêm thì kết thúc, ai hoàn thành đúng hạn sẽ được làm vua. Các chúa đã thách nhau: đi Trung Quốc lấy trống đồng, dùng cung bắn trụi hết lá đa, làm một nghìn bài thơ, nhổ mạ bãi Phiêng Pha đem cấy ở cánh đồng Tổng Chúp, đóng thuyền rồng, đeo đá làm cuốc, nung vôi gạch để xây thành vua, lấy lưỡi cày mài thành trăm chiếc kim. Thực Phán một mặt ký giao kèo để các chúa thi đấu với nhau, mặt khác chọn 9 cung nữ có đủ tài sắc, văn võ kiêm toàn, lên đi theo các chúa, dùng mỹ nhân kế để mê hoặc các chúa và làm thất bại cuộc đua tài của họ, khi sắp sửa thành công. Kết quả là các chúa thi nhau mất rất nhiều công sức mà không chúa nào thắng cuộc. Thực Phán vẫn giữ ngôi vua. Các chúa đều quy phục. Nước Nam Cương trở nên cường thịnh. Lúc đó nước láng giềng Văn Lang suy yếu lại đang đứng trước hoạ xâm lăng của nhà Tần, vua Hùng đã giao quyền chỉ huy kháng chiến chống Tần cho Thực Phán, sau khi kháng chiến thắng lợi. Thực Phán đã được vua Hùng nhường ngôi và sáp nhập hai vùng lãnh thổ thành lập nước Âu Lạc, hiệu là An Dương Vương, đóng đô ở Cổ Loa (Đông Anh – Hà Nội).

Truyền thuyết *Cầu chúa cheng Vua* còn được minh chứng bằng các di tích, di vật và địa danh cụ thể tại Cao Bằng như Tổng Lăn (trống lăn) ở xã Thịnh Vượng huyện Nguyên Bình, Tổng Chúp (xã Hưng Đạo, huyện Hoà An); Khau Lừa (xã Bế Triều, huyện Hoà An), đôi guốc đá khổng lồ ở Bản Thành (xã Bế Triều, Hoà An), cây đa cổ thụ ở Cao Bình (xã Hưng Đạo), bãi Phiêng Pha (xã Mai Long – Nguyên Bình), các địa danh làm thơ, mài kim, đun gạch, xây thành đều tập trung ở Cao Bằng. Giả thuyết về nguồn gốc Thực Phán là người bản địa còn được phản ánh trong các thần tích, ngọc phả, trong các nghi thức thờ cúng, trong ký ức dân gian, An Dương Vương – Thực Phán luôn luôn là một người có công dựng nước, giữ nước, như một vị anh hùng được tôn kính.

Từ truyền thuyết trên, nhiều nhà nghiên cứu đã tập trung hướng về Cao Bằng tìm quê hương Phục Phán và tin rằng Phục Phán là một thủ lĩnh của một liên minh bộ lạc người Tây Âu ở phía Bắc nước Văn Lang, với liên minh bộ lạc đó là nước "Nam Cương, gồm 10 xứ mường (9 mường của 9 chúa và 1 mường trung tâm của Thực Phán), tức 10 bộ lạc hợp thành, với địa bàn cư trú gồm vùng nam Quảng Tây, Cao Bằng và có thể rộng hơn, cả vùng núi rừng, phía bắc Bắc Bộ, mà trung tâm là Cao Bằng"⁷. GS. Đào Duy Anh cho biết: "Sự phát hiện truyền thuyết của người Tày trên kia đã khiến chúng tôi thay đổi ít nhiều ý kiến tranh cãi về thuyết về sự thành lập nước Âu Lạc mà chúng tôi đã trình bày trong sách lịch sử cổ đại Việt Nam". Giáo sư viết: "Chúng ta có thể nói một cách đại khái rằng miền

Nam sông Tả Giang và lưu vực sông Hữu Giang cùng với thượng lưu các sông Lô, sông Gâm, sông Cầu là địa bàn sinh tụ của những bộ lạc Tây Âu hợp thành bộ lạc liên hiệp Nam Cương mà Thục Phán là tù trưởng tối cao"⁸. Trong bài bàn về nước Âu Lạc và An Dương Vương, tác giả Nguyễn Duy Hinh cho rằng Thục Phán là người đứng đầu một nhóm Lạc Việt, Tây Âu là một nước của người Việt, do đó cuộc xung đột Hùng – Thục thực chất là cuộc đấu tranh nội bộ người Âu Lạc"⁹. Đến nay nhiều thần tích và truyền thuyết về Hùng Vương và An Dương Vương coi Thục Phán thuộc dòng dõi, tông phái hoặc là "cháu ngoại" của vua Hùng.

Qua những tư liệu thư tịch và tư liệu truyền thuyết trên, chúng ta có thể khẳng định: Thục Phán không thể là con vua nước Ba Thục ở Tứ Xuyên (Trung Quốc). Mà có thể khẳng định ông là người Tày cổ, thủ lĩnh liên minh bộ lạc Tây Âu mà trung tâm là Cao Bằng. Điều đó còn được minh chứng rõ hơn trong truyền thuyết cổ *Cầu chúa cheng Vua* có chứa đựng nhiều yếu tố hợp lý, chứa đựng những hạt nhân lịch sử của nó, vì vậy cần phải khai thác và nghiên cứu kỹ hơn, sâu hơn. Đến nay những tập tục, truyền thuyết dân gian tại Cổ Loa và vùng xung quanh cũng phù hợp với cách lý giải về nguồn gốc Thục Phán – An Dương Vương là người Tày cổ giống như truyền thuyết *Cầu chúa cheng Vua*. "Trong tâm thức dân gian vùng Cổ Loa luôn ghi nhớ nguồn gốc "người thượng du" một tù trưởng miền núi" của vua Thục. Thậm chí truyền thuyết còn nói rõ quê gốc của Thục Phán – An Dương Vương là Cao Bằng"¹⁰.

Như vậy, không chỉ nhân dân Cao Bằng và các nhà khoa học khẳng định Thục Phán – An Dương Vương có nguồn gốc ở Cao Bằng mà cả một phần nhân dân ở phía Bắc – Bắc Bộ, từ xa xưa đã coi Thục Phán – An Dương Vương có quê gốc ở Cao Bằng. Điều đó phù hợp với thực tế lịch sử và minh chứng thêm cho sự hợp lý giữa truyền thuyết với những hạt nhân lịch sử, lớn hơn là điều đó hợp với nhận định của các nhà khoa học Việt Nam và nước ngoài khi nghiên cứu về cổ sử Việt Nam.

Cho đến nay, kinh đô xưa của nước Nam Cương vẫn còn dấu tích khá rõ nét, kinh đô Nam Bình lúc đó gồm hai vòng thành. Vòng ngoài có chu vi khoảng 5km bao gồm cả một khu đồi thấp, phía tây chạy song song với bờ sông Bằng khoảng trên 1km đến đầu làng Bó Mạ là bờ thành phía đông nam chạy qua trước mặt Bản Phủ hiện nay cũng hơn 1km. Đến ngã ba đường rẽ lên Đức Chính lại chạy theo quốc lộ 4 cũng hơn 1km. Xung quanh chân đồi được bạt dựng đứng như một bức tường thành tự nhiên, nên thuận lợi cho việc xây dựng phòng tuyến bảo vệ. Còn Hoàng cung nơi vua ở nằm trên một khu đất bằng phẳng, đó là thành Bản Phủ ngày nay.

Thành Bản Phủ đến nay vẫn còn dấu tích khá rõ nét. Thành được xây dựng ở một vị trí rất đẹp và quay mặt sang hướng đông nam. Thành có hình chữ nhật, chiều dài hơn 100m, chiều rộng khoảng 70m. Phía trước thành là hồ sen rộng khoảng 7ha và cánh đồng Cao Bình bằng phẳng; tiếp đó là cánh đồng Tổng Chúp,

trước đó gọi là cánh đồng Tổng Quảng có nghĩa là cánh đồng rộng, sau cuộc đua tài của chúa Tiến Đạt chưa cấy hết (còn bằng cái nón) nên được gọi là cánh đồng Tổng Chúp. Gần chân thành là giếng Ngọc (nay gọi là Bó Phủ) nước trong vắt quanh năm. Gần hồ sen là Đền Giao và Thiên Thanh, tương truyền là nơi vua tế lễ trời đất. Bên phải và bên trái thành còn có vườn hoa (Đào Viên), cung Hoàng hậu, nhân dân quen gọi là Đông Tầm và một bên là khu vực dành cho các cung nữ. Phía trên khu đồi gọi là Thôm Dạng tức là khu vực nuôi voi, khu vực dành cho các em nhỏ gọi là Hồ nhi; gần Bản Phủ là cây đa cổ thụ tương truyền là chúa Kim Đán đã dùng cung tên bắn gần trụi hết lá. Ra khỏi vòng thành ngoài, gần Đầu Gò hiện nay có một đôi guốc đá khổng lồ chưa kịp đục lỗ xỏ quai, đó là kết quả thi tài của chúa Văn Thắng; tiếp tục đi theo quốc lộ 4 khoảng 1km ở bên phải đường có một quả đồi gọi là Khau Lừa tức đôi thuyền, theo truyền thuyết đó là con thuyền mà chúa Ngọc Tặng chưa kịp lật. Đối diện với Khau Lừa ở bên kia sông Bằng là thành Na Lữ (có đền vua Lê, hàng năm cũng tổ chức lễ hội vào ngày mùng 6 tháng Giêng) còn thiếu một cửa thành do cuộc đua tài của Thành Giáng bị bỏ dở... Còn các chúa làm thơ, mài kim... đều bỏ dở vì khi cuộc thi gần đến thắng lợi thì nghe tiếng trống của Quang Thạc vang lên, các chúa tưởng Quang Thạc đã giành chiến thắng. Nhưng cả Quang Thạc cũng bị trúng mỷ nhân kế của Thực Phán nên để trống lãn xuống vực mà kêu ầm lên vang vọng cả núi rừng, nơi trống lãn gọi là Tổng Lãn.

Như vậy là, từ thành Bản Phủ – Thực Phán đã tổ chức cuộc thi và giành thắng lợi trước các chúa. Nay các địa danh, các câu chuyện gắn liền với cuộc thi vẫn còn in sâu đậm trong ký ức nhân dân. Đồng thời trong tâm thức dân gian vẫn còn nhiều tập tục – có thể gọi là một loại hình văn hoá tộc người lưu lại và liên quan đến Thực Phán – An Dương Vương và thành Cổ Loa. Đó là các biểu tượng Rùa vàng, Gà trắng, trong đó Gà trắng phá hoại việc xây thành Cổ Loa, Rùa vàng giúp xây thành. Gà trắng và Rùa vàng có thể gọi là những linh vật có ý nghĩa biểu tượng trong dân tộc Tày. Hiện nay nhân dân vẫn coi Rùa vàng là thần Rùa giúp sức, phù trợ nhân dân làm những việc tốt đẹp, ân nghĩa, chống lại ma quỷ, kẻ thù... Trong dân tộc Tày, con rùa được nhân dân quý trọng tôn thờ. Con gà thì lại khác, biểu tượng gà là "vật ký thác linh hồn", gà gắn liền với bóng đêm và sự chết chóc; hiện nay trong đồng bào Tày vẫn coi "Ma gà" (Phi Cáy) là hiện tượng đáng sợ, vì nó gây tai họa cho con người khi bị "Ma gà" nhập. Hiện nay người Tày vẫn coi gà trắng là "Cáy khoản" tức là gà gọi hồn, khi làm lễ "Dồn lẫu" cho trẻ em, thường xách theo con gà và thường dùng gà trắng để phục vụ trong lễ này¹¹. Như vậy là gà trắng đã thành tinh, nó bị coi là con vật mang tai họa đến cho con người. Vì vậy đồng bào Tày kiêng nuôi gà trắng, kiêng thịt gà trắng trong những dịp lễ vui mừng... Từ những quan niệm đó đến những phong tục, tập quán của người Tày về Rùa vàng và Gà trắng, có thể thấy rõ "Sự tương đồng với những chi tiết trong truyền thuyết An Dương Vương xây thành Cổ Loa". Những nét tương đồng ấy phải chăng có cội nguồn từ nguồn gốc Tày cổ của Thực Phán – An Dương

Vương? Vì nhà vua là Tày cổ nên những quan niệm, phong tục cổ của người Tày đã được đưa đến vùng đất Cổ Loa"¹².

Không chỉ như vậy, mà gần đây (những năm 1960 của thế kỷ trước), ở Cao Bằng còn lưu truyền "Slửa Nộc Soa" (tức áo lông chim trĩ) và "Slửa Nốc Cốt" (tức áo lông chim bìm bịp) và một loại sang hơn là "Slửa Cáy Nhùng" tức áo gà công. Đó là những chiếc áo gần với chiếc "áo lông ngỗng" của Mỵ Châu – và Mỵ Châu cũng chính là biến âm của tiếng Tày "Mẻ Chũa" hay "Mẻ Chẩu", đều là Bà chúa, Bà chủ. Ngay cả địa danh Cổ Loa, các nhà ngôn ngữ – dân tộc học lịch sử đã phân tích nguồn gốc biến âm từ Kẻ Lũ, những địa danh có tên Kẻ ở Cao Bằng không phải ít, gần thành Bản Phủ bên kia sông Bằng có Kẻ Giăng, Kế Nông... Rồi Cả Lọ, Co Lý tương ứng với Cà Lồ ở Cổ Loa... Rất nhiều những địa danh xung quanh thành Cổ Loa và Bản Phủ có sợi dây liên hệ và đó là những chứng tích cho ta thấy rõ mối dây liên hệ giữa kinh đô Nam Bình với kinh đô Loa Thành của Thục Phán – An Dương Vương. Đó là quá trình phát triển hợp lý, liên tục, có tính kế tục. Điều đó góp phần làm sáng tỏ và khẳng định chắc chắn giả thuyết: Thục Phán có nguồn gốc ở Cao Bằng đã tham gia vào việc thành lập nước Âu Lạc, đóng góp vào quá trình dựng nước trong giai đoạn đầu tiên của lịch sử Việt Nam.

CHÚ THÍCH

- ¹ *Việt sử lược*, NXB Sử học, Hà Nội, 1960, tr.14.
- ² *Đại Việt sử ký toàn thư*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1972, tr.64.
- ³ *Đại Việt sử ký tiền biên*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1997, tr.45.
- ⁴ Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí, Nhân vật chí*, NXB Sử học, Hà Nội, 1961.
- ⁵ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr.79.
- ⁶ Ngô Tất Tố, tạp chí *Tao Đàn*, số 3, ngày 13 – 4 – 1939.
- ⁷ Phan Huy Lê – Trần Quốc Vượng – Hà Văn Tấn – Lương Ninh, *Lịch sử Việt Nam*, tập 1, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1985, tr.129.
- ⁸ Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1964, tr.22.
- ⁹ Nguyễn Duy Ninh, *Bàn về nước Âu Lạc và An Dương Vương*, tạp chí *Khảo cổ học*, số 3+4, 12/1969, tr.144 – 145.
- ¹⁰ Nguyễn Quang Ngọc, *Đóng góp của các dân tộc nhóm ngôn ngữ Tày – Thái trong tiến trình lịch sử Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006, tr.89.
- ¹¹ Tác giả bài này đã phải mặc áo vàng xách theo con gà trong lễ "dồn lều" năm 1961.
- ¹² Nguyễn Quang Ngọc, *Đóng góp của các dân tộc nhóm ngôn ngữ Tày – Thái trong tiến trình lịch sử Việt Nam*, sđd, tr.90.